

BẢO ĐẠT - NGUYỄN MẠNH THẢO

NGHỆ THUẬT DAY TIẾNG ANH HIỆU QUẢ

WAYS OF MAKING ENGLISH MORE LEARNABLE



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nghệ thuật DẠY TIẾNG ANH HIỆU QUẢ

Ways Of Making English More Learnable

Nghệ thuật DẠY TIẾNG ANH HIỆU QUẢ

Ways Of Making English More Learnable

Bảo Đạt - Nguyễn Mạnh Thảo

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập

ĐINH THỊ THANH THỦY

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó Giám đốc - Phó Tổng Biên tập

NGUYỄN TỬ TƯỜNG MINH

Biên tập : **ĐÀO THỊ THỦY NGẮN**

Sửa bản in : **BẢO TRANG**

Trình bày : **HOÀNG VÂN**

Bìa : **BẢO ĐỨC - LINH VÙ**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: 028.38225340 - 028.38296764 - 028.38256713 - 028.38223637 - 028.38247225

Fax: 028.38222726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Sách online: www.nxbhcm.com.vn - Ebook: www.sachweb.vn

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. HCM • ĐT: 028.38256 804

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2

86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. HCM • ĐT: 028.39433 868

GIAN HÀNG M01 - DƯỠNG SÁCH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Dường Nguyễn Văn Bình, Quận 1, TP. HCM

In số lượng 1.000 cuốn. Khổ 21,0 x 29,7 cm

Tại: Xi nghiệp in FAIASA

774 Trường Chinh, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

XNĐKXB 21-2018/CXBIPH/40-373/TTTPHCM cấp ngày 3/01/2018

QĐXB số: 75/QĐ- TTTPHCM 2018 ngày 24/01/2018

ISBN: 9 7 8 - 6 0 4 - 5 8 - 7 0 7 0 - 9

In xong và nộp lưu chiểu Quý 1 năm 2018

Bảo Đạt - Nguyễn Mạnh Thảo

Nghệ thuật DẠY TIẾNG ANH HIỆU QUẢ

Ways Of Making English More Learnable



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nghệ thuật dạy tiếng Anh hiệu quả - Ways of making English more learnable

© Bảo Đạt & Nguyễn Mạnh Thảo 2018

All rights reserved. No part of this publication may be reproduced or transmitted in any form or by any means, electronic or mechanical, photocopying, recording or any information storage or retrieval system without prior permission in writing from the author.

Tất cả giữ bản quyền. Không phần nào trong sách được sao chép hoặc truyền tải dưới bất kỳ hình thức, phương tiện nào: photocopy, ghi âm hay bất cứ hệ thống lưu trữ thông tin hoặc truy cập nào khác khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của tác giả.

HIỆU QUẢ HIỂN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN
ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KỊCH THỊCH M

Bảo Đạt

Nghệ thuật dạy tiếng Anh hiệu quả - Ways of making English more learnable / Bảo Đạt, Nguyễn Mạnh Thảo - TP. Hồ Chí Minh -

Nh. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2018.

136 tr. / hình vẽ, tranh ảnh / 30 cm.

ISBN 978-604-56-7070-9

1. Tiếng Anh -- Dạy và học. 2. Giảng dạy -- Phương pháp. I. Nguyễn Mạnh Thảo. II. Tr. III. Tr. Ways of making English more learnable.

428 -- ddc 23

B221-023





Lời giới thiệu	6
Chương 1. Dạy từ vựng	9
Chương 2. Dạy ngữ pháp giao tiếp	25
Chương 3. Dạy kỹ năng nghe	41
Chương 4. Dạy kỹ năng nói	59
Chương 5. Dạy kỹ năng đọc	71
Chương 6. Dạy kỹ năng viết	87
Chương 7. Sáng tạo trong thiết kế bài giảng	115
Chương 8. Thiết kế bài học hiệu quả và thú vị	125
Tài liệu tham khảo	134

Lời giới thiệu

Nếu bạn muốn tìm một cơ sở lý thuyết hay phương pháp luận sư phạm nơi cuốn sách nhỏ này, sợ rằng bạn sẽ thất vọng. Ở đây người viết đi vào thực tế nhiều hơn, trình bày một số ý tưởng giúp dạy tiếng Anh hiệu quả. Bên cạnh đó, sách giúp nâng cao nghệ thuật đứng lớp và sáng tạo để không gian học trở nên hấp dẫn.

Xin đừng hỏi tại sao phải áp dụng kỹ thuật này, mà hãy nghĩ “*Tôi có thể áp dụng kỹ thuật nào cho lớp tôi?*” Thay vì hỏi những hoạt động ấy có phù hợp hay không, đừng ngại thực hành và trải nghiệm. Sau khi đã áp dụng thành thạo các gợi ý trình bày trong sách, bạn có thể thêm vào đó những phong cách riêng để biến nó thành sở trường độc đáo của bạn. Dạy tiếng Anh đòi hỏi nhiều công sức, nhưng nếu nó mang lại hiệu quả thiết thực cho học sinh thì bạn đang đánh dấu sự thành công.

Tài liệu này giúp bạn trở nên lưu loát và thú vị trong giảng dạy tiếng Anh, nhất là khi bạn áp dụng thường xuyên. Viết bằng giọng văn dễ hiểu, đơn giản, quyển sách trình bày từ những bước cơ bản đến một số thủ pháp sáng tạo trong giảng dạy. Mong sao việc dạy giao tiếp bằng Anh ngữ thêm sinh động, thú vị, hiệu quả và bạn luôn nhận được sự yêu mến của lớp học.

Bao Đạt

Tiến sĩ, giảng viên Đại học Monash, Úc

Nguyễn Mạnh Thảo

Thạc sĩ, giảng viên Anh ngữ

Preface

If you are searching in this book for a collection of profound theories or fancy pedagogical approaches, you might not find them. Our instructor manual sets off in a down-to-earth direction for supporting your everyday teaching efficiency. Once getting more comfortable with good teaching, you will realize that the book also provides ways of shaping your personal style.

Instead of wondering whether or not a proposed strategy will work, ask yourself: “Which one suits my students?” Instead of looking for the best method, simply put a given idea to trial and see it for yourself. As you are becoming more fluent in using some of the suggested skills, it may be time to add a few tricks of your very own. This new habit might require a little more effort than you could imagine, but as time goes by, you never know if such routine might reward you in huge success.

By introducing this handbook, we are dreaming to see you becoming a more widely-accepted and attractive teacher, especially when you do not fear to try. Written in a simplistic, easy-to-read style, the book walks you from the basic to the innovative. We hope all the students who stay with you will increase their engagement in English communication as you are working hard every day to build their trust, motivation, enjoyment, and fluency.

Dr. Bao Dat

Lecturer, Monash University

Nguyen Manh Thao, MA

Lecturer



DAY TỪ VỰNG

Từ vựng ví như viên gạch trong xây dựng. Nếu không có đủ vốn từ, ta không thể diễn đạt tư tưởng của mình, rất khó giao tiếp cho dù giỏi ngữ pháp đến đâu, giọng nói truyền cảm hay lỗi tai thính thế nào chăng nữa. Và bạn phải nhờ đến... Google, hoặc phải mời tay, hay tệ nhất là chỉ nói được có một từ YES, YES. Trong việc dạy và học tiếng Anh, từ vựng là yếu tố quan trọng bậc nhất. Nếu không đủ vốn từ, người học sẽ không nói được, không nghe được, không đọc được và không viết được. Yêu cầu cốt lõi của việc dạy từ vựng là người học phải hiểu từ, phát âm đúng, thuộc từ và biết vận dụng từ trong câu hoặc trong giao tiếp. Vậy bạn dạy từ vựng cho học sinh như thế nào?

- Bạn không chỉ dạy từ vựng và ý nghĩa của nó. Nếu làm như thế, học sinh sẽ chẳng bao giờ có thể sử dụng được những từ mà bạn dạy.
- Nếu bạn dạy tất cả các khía cạnh của một từ, như từ loại, phiên âm quốc tế, ý nghĩa, cấu tạo từ, chức năng, từ đồng nghĩa, từ phản nghĩa, thành ngữ... thì học sinh sẽ không nhớ nổi, không thể sử dụng từ trong những câu cụ thể, và không thể vận dụng từ ngữ để giao tiếp.

Kỹ thuật dạy từ mới

Có nhiều phương pháp và kỹ thuật để dạy từ mới. Phần này trình bày các phương pháp và kỹ thuật từ đơn giản đến phức tạp, đòi hỏi tính sáng tạo của giáo viên và học sinh. Giáo viên tùy vào khả năng, điều kiện vật chất, môi trường dạy học, yêu cầu của bài giảng và thời gian cho phép để lựa chọn phương pháp và kỹ thuật thích hợp.

1. Sử dụng tranh hoạt hình

Trong phần này tác giả chỉ sử dụng vài từ tiếng Anh vỡ lòng làm ví dụ để cho thấy rằng chỉ với một phương pháp sử dụng tranh hoạt hình, giáo viên có thể vận dụng nhiều kỹ thuật để dạy từ mới.

- Dùng tranh hoạt hình để giới thiệu từ mới. Ví dụ:

What's this?

It's a pencil.



What's this?

It's a pen.



- Học sinh thực hành viết từ mới trong câu.

Ví dụ: Giáo viên chỉ vào hình một cái ghế, học sinh viết "a chair - It's a chair".

Giáo viên (chỉ vào hình một cây viết chì): What's this? Học sinh viết: It's a pencil.

- Học sinh vẽ hình từ mới.

Ví dụ:

Giáo viên: This is a pen.

Học sinh vẽ hình một cây viết.



Giáo viên: This is a chair.

Học sinh vẽ hình một cái ghế.

- Học sinh phối hợp từ mới và hình vẽ.



Ví dụ: Học sinh nối từ ở cột bên trái với hình vẽ ở cột bên phải.

a pen	
a chair	

a book	
a pencil	

- Học sinh khoanh câu trả lời đúng.

Ví dụ:

	<p>Is this a pencil?</p> <ul style="list-style-type: none"> • Yes, it is. • No, it is not.
	<p>Is this a book?</p> <ul style="list-style-type: none"> • Yes, it is. • No, it is not.




- Học sinh nghe và khoanh tròn từ đúng.

Ví dụ: Giáo viên đọc hoặc mở CD, học sinh nghe và khoanh tròn vào những từ mình nghe được.

<ul style="list-style-type: none"> • a pencil • a pen • a bag • a book 	<ul style="list-style-type: none"> • a ruler • a desk • a chair • an eraser
--	---

- Học sinh đánh dấu check vào câu đúng.

Vi dụ:

				
This is a chair.			✓	
This is a pen.				
This is a book.				
This is a pencil.				

- Học sinh viết lại từ cho đúng.

Giáo viên đảo lộn chữ cái của từ mới, học sinh viết lại cho đúng.

Vi dụ:

- licnep pencil
- okbo
- serrae
- lerru
- raich

Giáo viên có thể biến tấu hoạt động này bằng cách đọc chính tả, học sinh nghe và viết lại cho đúng.

Vi dụ:

Giáo viên: L-I-C-N-E-P




Học sinh: PENCIL

- Học sinh viết lại từ cho đúng và phối hợp với hình vẽ.

Giáo viên đảo lộn chữ cái của từ mới, học sinh viết lại cho đúng, sau đó phối hợp với hình vẽ.

Vi dụ:

licnep	
--------	---

okbo	
ciarh	
nep	

- Dùng bài hát để dạy hoặc củng cố từ mới.

Giáo viên hát (với đàn guitar) hoặc mở CD hay Youtube để học sinh nghe và hát theo. Vi dụ:

<https://www.youtube.com/watch?v=P9HGdNcx90g>

- Dùng ô chữ để củng cố từ mới.

Vi dụ: Học sinh tìm và khoanh những từ đã học trong ô chữ sau:

x	p	a	d	b	c	d
f	e	r	e	l	u	r
r	n	g	s	k	h	i
e	c	r	B	O	O	K
s	l	i	a	g	j	k
a	l	a	l	o	r	t
r	y	h	m	p	u	s
e	z	c	n	q	w	v

2. Sử dụng người thật, vật thật

Thay vì sử dụng tranh hoạt hình, giáo viên có thể dùng người thật, vật thật để dạy từ mới.

Vi dụ: Để dạy từ "pencil, pen, bag, book" giáo viên lấy trong ba lô ra cây viết chì, viết mực, cuốn sách và dạy từ mới với những kỹ thuật đã giới thiệu ở Phần 1.

3. Làm điệu bộ

Giáo viên dùng cử chỉ, điệu bộ để giới thiệu từ mới.

Vi dụ:

- Giáo viên làm động tác đi bộ.

Học sinh: You're walking.

Giáo viên làm động tác chạy.

Học sinh: You're running.

- Giáo viên yêu cầu một học sinh làm một động tác (walking, running, singing, standing, sitting, talking, eating, drinking, sleeping, etc.).

Giáo viên: Is she eating?

Học sinh: No, she isn't.

Giáo viên: What's she doing?

Học sinh: She's singing.

Đóng vai:

- Giáo viên yêu cầu một học sinh làm động tác đi bộ.

Học sinh 1: Is she running?

Học sinh 2: No, she isn't.

Học sinh 1: What's she doing?

Học sinh 2: She's walking.

4. Cho định nghĩa

Giáo viên dạy từ mới bằng cách cho định nghĩa.

Vi dụ: *American English File 4*, p. 17

Life-threatening (adj.)	Something very serious that could kill you
Surgery (noun)	The medical treatment of an illness or injury that involves an operation
Alternative remedies (noun)	Ways of curing illnesses that are not traditional medicine, e.g. herbal medicine
Infection (noun)	An illness that is caused by bacteria or a virus
Heart rate (noun)	The speed at which your heart beats
Pulse (noun)	The number of times your heart beats in a minute

Nếu chỉ ghi định nghĩa, bài giảng sẽ trở nên nhàm chán. Giáo viên có thể kết hợp định nghĩa với một hoạt động từ vựng.

Vi dụ: *American Headway 2*, p. 65

Read the symptoms and complete the illnesses.

Symptoms	Illnesses
1. I can't stop sneezing and blowing my nose.	I have... a cold...
2. I keep throwing up, and I have diarrhea.	I have
3. It hurts when I walk.	I have
4. I have stomachache, and I keep going to the toilet.	I have
5. My glands are swollen, and it hurts when I swallow.	I have
6. I have a temperature, my whole body aches, and I feel awful.	I have

a sore throat a cold food poisoning diarrhea the flu a twisted ankle

5. Đặt từ vào ngữ cảnh

Vi dụ: *American Headway 2*, p. 41

Complete the questions with a phrasal verb or expression from the box. Then ask and answer with a partner.

take into account, take place, take care of, take advantage of, take part in, take your time, take after, take up

- Who do you take... more, your father or your mother?
- Do you worry about your health? Do you take... yourself?
- Do you get up very quickly in the morning or do you take.....?
- Have you ever not taken..... a good opportunity?
- Have you ever taken..... a demonstration?
- Have you ever taken..... a new sport or hobby recently?
- Has any big sporting event taken..... in your city?
- If you were thinking of buying a new computer or cell phone, what factors would you take.....?

6. Dịch nghĩa

Đây là phương pháp dạy từ mới dễ nhất, tiết kiệm thời gian nhất và cũng thụ động nhất, dễ nhầm lẫn nhất. Giáo viên chỉ đọc hoặc viết nghĩa của từ lên bảng. Khi tất cả những phương pháp khác không thực hiện được, giáo viên dịch nghĩa. Ví dụ: những từ trừu tượng, triết học, tôn giáo, thuật ngữ chuyên ngành v.v... (happiness, miserable, Catholicism, paradise, microchip, civil engineering...).

7. Cho ví dụ

Giáo viên cho một loạt ví dụ, từ đó người học đoán ra nghĩa của từ.

Ví dụ:

Giáo viên: I am afraid of it. I don't want to see it at night. I dare not go in darkness because I think it is there. In my dream, I am frightened when it stands in front of me. What is it?

Lớp: Ghost.

8. Thu thập những từ có liên quan với nhau

Ví dụ: Chủ đề là "My home" thì chuỗi liên kết ngữ nghĩa bao gồm: bedroom, bathroom, living room, entryway, dining room, kitchen, garage, basement, first floor, second floor. Một trong những nguyên nhân người học ít khi nói được là do không đủ vốn từ. Chuỗi liên kết giúp họ tạo vốn từ vựng dựa trên một chủ đề, nhờ vậy mở rộng kiến thức từ vựng một cách có hệ thống.

9. Tạo từ có liên quan

Giáo viên dạy từ mới bằng cách cho từ đồng nghĩa, phản nghĩa.

Ví dụ: big/small, tall/short, fat/thin, rich/poor, full/empty...

10. Để người học động não / tự khám phá

Giáo viên cho một loạt thông tin hoặc câu hỏi để người học tìm ra nghĩa của từ.

Ví dụ: Để dạy từ "smart phone" giáo viên cung cấp một loạt chi tiết: you can use it to chat, surf the Internet, facebook, play games, watch movies, listen to music, etc.

Các khía cạnh thiết yếu của từ vựng

Tùy vào thời gian cho phép và khả năng của người học, bạn có thể chọn một hoặc vài yếu tố sau đây để dạy từ vựng: chính tả, phát âm, ý nghĩa, ngữ pháp, cấu tạo từ, bối cảnh xã hội, cách dùng, chức năng, phong cách, từ tương tự, thành ngữ.

Dạy ngữ pháp của một từ

Điều này có nghĩa là bạn dạy những từ thường đi với nhau:

Ví dụ:

Work with a partner. Match the verbs and nouns (*American Headway 2*, p. 13)

Have	the news on TV	Take	an e-mail
Wash	my friends	Clean up	the mess
Watch	my hair	Do	a shower
Text	breakfast	Send	the dishes

Match the verbs in A with the phrases in B. Sometimes more than one answer is possible (*American Headway 2*, p. 64)

A	B
Interview	hard
Study	engineering
Earn	somebody for a job
Take care of	a lot of training
Have	careers
Change	children
Work	time with someone
Spend	a lot of money
Get along	together/ with somebody

Around each verb, one noun does not go with it. Which one? (*American Headway 2*, p. 77)

Discover	a cure, the truth, gold, DNA, paper
Make	cars, homework, \$1,000, a phone call, a discovery
Tell	hello, a story, the truth, a lie, a joke
Give	advice, a present, information, a ride, a complaint
Lose	the bus, money, your way, the game, weight
Carry	a watch, a gun, a briefcase, passengers, an umbrella
Keep	the peace, a secret, an idea, a promise, a diary
Miss	the family, the bus, school, your way, the target